



PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED

Head office: 2nd floor, 18 Ly Thuong Kiet, HK, HN

Website: <http://www.psi.vn>

Email: dvkh@psi.vn

Hotline: 02439872888

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom- Happiness

.....,/...../ 20

BM. 01.25.QLNV

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN GIAO DỊCH **CONTRACT OF AUTHORIZATION**

BÊN ỦY QUYỀN/ THE AUTHORISOR

Tên tổ chức/Institution name:

Giấy chứng nhận ĐKKD số/Business registration no.:

Ngày cấp/Date of issue: **Nơi cấp/Place of issue:**

Địa chỉ/Address:

Điện thoại/Telephone: **Fax:**

Email: **Website:**

Người đại diện theo pháp luật/Legal representative: Ông/Bà/Mr/Ms/Mrs:

Chức vụ/Title:

Mã số giao dịch (đối với khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài)/

Securities trading number (applicable for foreign investor only):

Số tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty CP chứng khoán Dầu khí/Securities trading account at PSI:

0	4	5	F						
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/AUTHORISED PERSONS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ- PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED

Giấy phép HKDCK số/ Se: 26/UBCK-GPHĐKD Ngày cấp: 19/12/2006 Nơi cấp: UBCKNN

Địa chỉ/ Address:

Điện thoại/ Telephone:

Fax:

Email: dvkh@psi.vn

Người đại diện/ Legal representative:

Chức vụ/ Title:

(theo văn bản Ủy quyền số Ngày..... của/

under authorised document number: Date: ...of)

(sau đây gọi là PSI/ known as PSI)

ĐIỀU 1/ARTICLE 1. ĐỐI TƯỢNG ỦY QUYỀN/ OBJECT OF AUTHORISATION

Tài khoản giao dịch chứng khoán số 045C.....mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) trên cơ sở Hợp đồng mở tài khoản số.....ký ngày.....giữa Ông/Bà.....và PSI;

Account number 45C..... opened at PetroVietnam Securities Incorporated (PSI) that based on Account Opening contract number on.....between Mr/Ms..... and PSI;

(Dưới đây được gọi là “Tài khoản”)/ (Hereinafter referred to as "Account")

ĐIỀU 2/ARTICLE 2. PHẠM VI ỦY QUYỀN/ SCOPE OF AUTHORISATION

Nội dung ủy quyền/Content	Chữ ký bên UQ/ Authorisor signature	Chữ ký bên nhận UQ/Authorised signature
1. Ủy quyền toàn bộ/ Full authorization		
2.Đặt lệnh giao dịch (mua/bán/hủy/sửa)/Place order (buy/sell/cancel/modify)		
3. Thực hiện nộp rút tiền/ Withdraw/Deposit money		
4. Ký và thực hiện Giấy đề nghị kiêm hợp đồng bán quyền nhận tiền bán chứng khoán/Sign and perform the Proposal cum Contract of receiving sales proceed in advance		
5. Thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm/Exercise right of purchasing additional issuing securities		
6. Bán lô lẻ, làm thủ tục lưu ký chứng khoán, chuyển khoản chứng khoán /Sell odd lot, Perform securities depository process, Perform securities transfer		
7. Ký, thực hiện các hợp đồng dịch vụ tài chính và các Hợp đồng dịch vụ tài chính khác được pháp luật cho phép/ Sign and perform Financial services contracts and other Financial service contracts as permitted by law		
8.Nhận sao kê giao dịch, thông tin về tài khoản/ Receive transaction record, account information		
9. Ủy quyền khác/Other authorization		

(Ghi chú: Trường hợp người được ủy quyền có tài khoản giao dịch tại PSI và có đăng ký giao dịch trực tuyến thì các phạm vi ủy quyền bên trên cũng có hiệu lực áp dụng đối với kênh giao dịch trực tuyến) / Note: If the authorized person has an account at PSI and registered for online trading service, all the authorized contents above will be applied for online trading channel).

ĐIỀU 3/ARTICLE 3. THỜI HẠN ỦY QUYỀN/ AUTHORISATION PERIOD

Thời hạn ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng này dưới sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cho đến khi PSI nhận được thông báo bằng văn bản của Khách hàng về việc chấm dứt Hợp đồng ủy quyền và có sự xác nhận lại bằng văn bản của PSI hoặc khi xảy ra trường hợp bất khả kháng khiến một trong hai

bên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền này/ *This contract is valid from the date of both parties sign the contract and verified by Notary public or the authorized agencies until PSI receives the request from client to terminate the contract in writing document and has the confirmation from PSI or any occurrence of force majeure which caused either party continue to perform the contract.*

ĐIỀU 4/ARTICLE 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN / RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF TWO PARTIES

4.1 Quyền và nghĩa vụ của bên ủy quyền/ Rights and responsibilities of authorisor

1. Bên ủy quyền tự ra quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về kết quả quyết định đầu tư của mình/ *The authorisor makes the decision to trade by himself and takes full responsibility for the trading result.*
2. Bên ủy quyền phải thông báo cho PSI để PSI thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền bằng các hình thức/ *The authorisor has to notify PSI to perform the jobs in the scope of authorisation by:*
 - Điện thoại/ *Telephone*
 - Tại quầy giao dịch/ *Trading counter*
 - Email
 - Fax
3. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để PSI thực hiện công việc/ *Providing PSI the information, documents and means that are necessary for PSI to perform the jobs.*
4. Chịu trách nhiệm về kết quả công việc do PSI thực hiện trong phạm vi ủy quyền/ *Take full responsibility for the results that PSI has done under the scope of authorisation.*
5. Yêu cầu PSI thực hiện công việc theo ủy quyền và báo lại kết quả việc thực hiện công việc đó/ *Requesting PSI to perform the jobs under the scope of authorisation and reporting the result to the authorisor;*
6. Yêu cầu PSI giao lại Tài khoản cho Khách hàng khi hết thời hạn ủy quyền/ *Requesting PSI to give back the authorisor trading account when the contract is ended;*

4.2 Quyền và nghĩa vụ bên được ủy quyền/ Rights and responsibilities of authorized person

7. Yêu cầu Khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để thực hiện công việc/ *Requesting the Client to provide information, documents and means that are necessary;*
8. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được Khách hàng giao để thực hiện việc ủy quyền/ *Preserving and maintaining the Client's documents and means to perform the authorisation;*
9. Khi được ủy quyền trong phạm vi ủy quyền tại Điều 2, PSI sẽ thay mặt Khách hàng thực hiện các công việc và tuân thủ các quy định về giao dịch, thanh toán chứng khoán, công bố thông tin/ *PSI will perform the authorisation jobs as stated in the Article 2- scope of authorisation on behalf of Client and will compliance with the regulations of securities trading, settlement and disclosure of information.*

10. Thực hiện công việc theo uỷ quyền và báo lại kết quả việc thực hiện công việc đó/ *Perform the jobs under the scope of authorisation and report the result to the authorisor;*
11. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc uỷ quyền/ *Keeping confidential information of Client while performing the authorization;*
12. PSI có quyền và trách nhiệm giao cho nhân viên của PSI thực hiện công việc đặt lệnh giao dịch theo uỷ quyền của Khách hàng theo quy định của Hợp đồng này. Việc PSI giao cho nhân viên thực hiện công việc theo Hợp đồng này phải được PSI thông báo cho Khách hàng bằng văn bản trước khi thực hiện công việc/ *PSI has the right and responsibility to assign PSI staff to perform the authorised transaction for Client under the provisions of this contract. PSI will has to notify Client in writing document of this assignment before performing the jobs.*
13. PSI sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách hàng vi phạm giao dịch Mua/Bán cùng mã chứng khoán trên các tài khoản khác nhau trong cùng ngày giao dịch theo qui định của pháp luật/ *PSI will not be responsibility for the trading violation of buy/sell the same stocks in different trading accounts in the same day as prescribed by law.*

ĐIỀU 5/ARTICLE 5. CAM KẾT CHUNG CỦA CÁC BÊN/ AGREEMENTS OF THE TWO PARTIES

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định tại Hợp đồng uỷ quyền này, quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng uỷ quyền và quy định của Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01/06/2011 hướng dẫn về giao dịch chứng khoán/ *The two parties commit to perform the scope of authorisation in this contract under the authorised contract of Civil law and the regulations of Circular No 74/2011/TT-BTC issued on 01/06/2011.*
2. Nội dung uỷ quyền chỉ nằm trong phạm vi đã được hai bên uỷ quyền và được uỷ quyền ký xác nhận tại Điều 2 của Hợp đồng uỷ quyền này trong thời gian uỷ quyền của Hợp đồng/ *The authorised contents are only in the scope of authorization which two parties have signed at section II of this contract during the authorization period.*
3. Các bên cam kết những thông tin được ghi trong Hợp đồng uỷ quyền này hoàn toàn đúng sự thật, được hai bên xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc/ *The parties commit that all the informations in this contract are right and true, the two parties signed this contract spontaneously, not being forced or swindled.*
4. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền của Việt nam để giải quyết/ *Any disputation which arised between two parties will be resolved by negotiation. If the problems can not be solved, one of two parties has the right submit the disputation to the court of Vietnam.*

5. Các bên đã đọc lại, hiểu rõ nội dung của Hợp đồng ủy quyền này/ *The two parties have read and understood the contents of this contract.*

ĐIỀU 6/ARTICLE 6. HIỆU LỰC ỦY QUYỀN/VALIDITY

1. Hợp đồng ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng dưới sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và thay thế các văn bản ủy quyền hai bên đã ký trước đây liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ chứng khoán tại PSI (nếu có)/ *This contract is valid from the date of both parties sign the contract and verified by Notary public or the authorized agencies. This contract will be replaced any other authorised documents which are signed before by the two parties (if have).*
2. Mọi sửa đổi liên quan đến nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được ký đầy đủ bởi người đại diện có thẩm quyền của các bên dưới sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/ *Any change in this contract is only valid from the date of both parties sign the contract and verified by Notary public or the authorized agencies*
3. Hợp đồng ủy quyền này sẽ mặc định hết hiệu lực khi hết thời hạn ủy quyền hoặc khi một trong hai bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng bằng văn bản và có sự xác nhận của PSI hoặc khi xảy ra trường hợp bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng/ *This contract will be automatically expired upon the expiry of the authorization OR either each party requests to terminated this contract in writing document and have the confirmation of PSI OR any occurrence of force majeure which caused either party continue to perform the contract.*
4. Hợp đồng ủy quyền này được lập thành 04 (bốn) bản có hiệu lực pháp lý như nhau. Bên ủy quyền giữ 01 (một) bản, Bên được ủy quyền giữ 01 (một) bản, PSI giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Cơ quan xác nhận có thẩm quyền/ *This contract is made in 04 (four) documents and have the same legal effect. The authorisor keeps 01 (one) document, the authorised person keeps 01 (one) document, PSI keep 01 (one) and the Notary public office keep 01 (one) document.*

BÊN ỦY QUYỀN/ THE AUTHORISOR

(Ký tên và đóng dấu)/*Sign and seal*

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ AUTHORISED PERSON

(Ký và ghi rõ họ tên)/ *Sign and seal*

**XÁC NHẬN BỞI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN/
VERIFIED BY NOTARY PUBLIC OFFICE OR THE AUTHORISED AGENCY**

